

## KINH NHÂN QUẢ TRONG ĐỜI QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI

### QUYỂN 3

Bấy giờ vua Bạch Tịnh sau khi đã truyền lệnh cho Quốc sư và quan đại thần đi tìm Thái tử, liền lấy râu chuỗi anh lạc của Thái tử trao cho phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề nói:

–Đây là râu chuỗi anh lạc của Thái tử đeo trao cho Xa-nặc đem về giao lại cho khanh.

Phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề trông thấy râu chuỗi lòng càng đau khổ, tự nghĩ: “Trong cuộc đời này, chỉ ta là người bạc phước nhất vì đã mất một vị Chuyển luân thánh vương đầy trí sáng suốt”. Vua lại đưa những đồ trang sức còn lại cho Da-du-đà-la bảo:

–Thái tử bảo đưa trang sức này cho con.

Da-du-đà-la nhìn thấy những món trang sức ấy liền ngã ra đất ngất lịm, vua liền cho người đỡ dậy, an ủi, và dặn chánh phi phải tự bảo trọng đừng quá đau khổ mà ảnh hưởng không tốt đến thai nhi.

Khi Quốc sư và quan đại thần đến khu rừng tu khổ hạnh của vị Tiên nhân Bạt-già, họ liền bỏ nghi trượng và cho đoàn người tùy tùng dừng lại bên ngoài rừng, chỉ hai người đi tới chỗ vị đạo sĩ. Vị đạo sĩ mời hai người ngồi, cùng chào hỏi xong, vị Quốc sư lên tiếng thưa:

–Tôi là Quốc sư của vua Bạch Tịnh, nay đến đây là vì nhà vua có một Thái tử nhưng Thái tử chán cảnh khổ sinh già bệnh chết nên đã đến vùng này xuất gia học đạo. Xin hỏi đạo sĩ có gặp không?

Tiên nhân Bạt-già đáp:

–Gần đây chúng tôi có gặp một chàng trai trẻ dung mạo rất trang nghiêm, đầy đủ tướng tốt, đến khu rừng này cùng tôi bàn luận và ngủ lại một đêm, không ngờ đó lại là Thái tử. Vì cho đạo chúng tôi thô thiển nên người đã đi về hướng Bắc, đến chỗ đạo sĩ A-la-la và Ca-lan.

Hai người nghe vị đạo sĩ nói thế liền vội vã từ giã đi về hướng Bắc nơi hai vị Tiên nhân kia cư ngụ. Hai người đi được giữa đường thì thấy Thái tử từ xa đang ngồi tĩnh tọa dưới bóng cây, tướng tốt rạng rỡ như mặt trời mặt trăng, nên vội xuống ngựa, để lại nghi trượng cùng người tùy tùng, đi đến chỗ Thái tử và ngồi sang một bên. Sau khi chào hỏi xong, vị Quốc sư thưa:

–Đại vương sai chúng tôi đi tìm Thái tử có điều muốn thưa với Thái tử.

Thái tử hỏi:

–Phụ vương sai các vị đến nói điều gì?

Vị Quốc sư thưa:

–Đại vương từ lâu đã biết Thái tử muốn xuất gia, ý định đó khó thay đổi nhưng lòng vua đối với Thái tử tình còn sâu nặng nên lo rầu nung nấu dường như lửa đốt, mong Thái tử trở về để dập ngọn lửa ưu sầu phiền muộn. Cúi xin Thái tử hãy trở về. Dù nơi vương cung có nhiều chướng ngại nhưng không để cho Thái tử mất đạo nghiệp, bỏ sự tĩnh tâm, cần gì phải vào rừng núi. Hiện nay phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề và chánh phi Da-du-đà-la cùng tất cả họ hàng nội ngoại đang đắm chìm trong biển nhớ thương, mong Thái tử trở về cứu vớt họ.

Thái tử nghe Quốc sư nói thế bèn cất tiếng tha thiết trả lời:

–Có lẽ nào Ta lại không biết tình cảm sâu nặng của phụ vương đối với Ta sao? Ta chỉ vì sợ cái khổ do sinh già bệnh chết nên đến đây tìm học đạo để dứt trừ chúng. Nếu yêu thương mà sum họp mãi mãi, không có sinh già bệnh chết thì Ta đến đây làm gì? Nay Ta xa phụ vương là muốn trong tương lai sẽ được sum họp. Hiện nay phụ vương tuy bị lửa buồn rầu thiêu đốt, đời nay Ta và phụ vương Ta chỉ có nỗi khổ ấy, nhưng mai sau sẽ trừ diệt được mối lo đó. Nếu theo lời ông nói, muốn Ta cứ ở trong cung mà tu hành thì chẳng khác nào ngôi nhà thất bảo đang bị bốc cháy, có người nào có thể ở trong đó được không? Giống như món ăn có độc thì người đói cũng không thể ăn. Ta đã lìa bỏ vương quốc xuất gia tu hành, vì sao ông lại bảo Ta trở về cung tu tập. Người đời đang ở trong nỗi khổ lớn, chỉ vì một chút vui mà say đắm không thể rời được, huống chi Ta nay ở nơi vô cùng vắng vẻ, an tịnh không có các nỗi khổ, sao có thể bỏ đi để trở lại với cảnh xấu ác? Các vua xưa vào rừng tu hành không ai nửa chừng trở về thọ hưởng dục lạc. Nếu phụ vương nhất định muốn Ta trở về là trái với đạo pháp của các vua xưa.

Vị Quốc sư liền thưa với Thái tử:

–Lời Thái tử vừa nói quả thật rất đúng nhưng các vị Tiên thánh có người nói tương lai chắc chắn có quả báo, có người lại bảo không có điều đó. Các vị Tiên thánh ấy còn không thể biết chắc trong đời sau có hay không có quả báo, sao Thái tử lại muốn bỏ an lạc hiện tại mà tìm quả báo tương lai chưa chắc chắn? Sống chết, quả báo còn chưa biết có không, sao lại muốn tìm quả giải thoát. Cúi xin Thái tử hãy trở về cung.

Thái tử trả lời:

–Hai vị Tiên kia nói về quả báo trong tương lai. Người bảo có, kẻ bảo không, đều bởi ôm lòng nghi ngờ nên chẳng thể khẳng định. Nay Ta hoàn toàn không tu theo con đường của những vị Tiên đó. Ông không nên lấy lý lẽ của họ để vấn nạn Ta. Vì sao? Vì Ta không phải mong cầu quả báo mà rời hoàng cung đến đây tìm đạo, nhưng vì chính mắt Ta trông thấy nỗi khổ sinh già bệnh chết mà bất cứ ai cũng phải trải qua nên Ta đi tìm con đường giải thoát khỏi những nỗi khổ ấy. Không lâu nữa các ông sẽ thấy đạo của Ta, Ta sẽ hoàn thành được chí nguyện. Nay Ta không thể trở về. Các ông hãy về tâu lại với phụ vương Ta như thế.

Nói xong Thái tử đứng dậy từ giả Quốc sư và quan đại thần đi về hướng Bắc, nơi có hai vị Tiên nhân A-la-la và Ca-lan đang tu hành.

Lúc ấy, cả hai thấy Thái tử bỏ đi liền kêu khóc thảm thiết, bởi bỗng nhớ đến ân tình sâu nặng của Thái tử và cũng vì nhận lệnh của đức vua đến chỗ Thái tử mà vẫn không thể nào làm chuyển lay được ý chí của người nên cứ quanh quẩn bên đường, không thể quay về. Họ bàn với nhau:

–Chúng ta đã chịu mệnh lệnh của vua mà không làm được việc, bây giờ trở về không có Thái tử biết tâu với vua thế nào? Vậy chúng ta nên để lại năm người trong số những người đi theo, chọn những người thông minh trí tuệ, tính tình ôn hòa, trung tín, ngay thẳng thuộc dòng họ nổi tiếng, ngầm sai họ theo dõi Thái tử xem người đi về đâu và dừng lại nơi nào.

Nói xong cả hai vị xem xét trong đoàn người hầu cận thân tín, thấy nhóm người năm ông Kiều-trần-như là xứng đáng, liền bảo họ:

–Các ông có thể ở lại được không?

Năm người đều đáp:

–Thật là hạnh phúc! Chúng tôi xin tuân lời ở lại để theo Thái tử, xem người đi về

đâu.

Nói xong, cả năm người vợ từ biệt đi theo hướng Thái tử vừa đi, còn hai vị Quốc sư và quan đại thần cũng quay gót về cung.

Trên đường tới trụ xứ của hai vị Tiên nhân A-la-la và Ca-lan, Thái tử đã vượt qua sông Hằng rồi theo đường đến thành Vương xá. Khi vào thành, dân chúng thấy thân tướng và dung mạo vô cùng trang nghiêm, đẹp đẽ của Thái tử nên rất hân hoan ngưỡng mộ cung kính. Dân chúng trong thành tranh nhau đến xem làm huyên náo cả thành khiến vua Tần-tỳ-sa-la ngạc nhiên hỏi các quan hầu:

–Có việc gì mà ồn ào, inh ỏi thế?

Các quan thưa:

–Vị Thái tử con vua Bạch Tịnh tên là Tát-bà Tát-đạt khi mới sinh đã được các thầy tướng đoán rằng sau này sẽ lên ngôi Chuyển luân thánh vương cai trị bốn châu thiên hạ, còn nếu xuất gia sẽ thành Bạc Nhất Thiết Chứng Trí. Người ấy vừa vào thành, dân chúng đã tranh nhau đến xem nên gây ra huyên náo ồn ào.

Vua Tần-tỳ-sa-la nghe tâu trong lòng rất đỗi vui mừng liền sai một người đi dò xem nơi ở của Thái tử. Sứ giả vâng lệnh đi tìm, gặp Thái tử đang ngồi tĩnh tọa suy tư trên một phiến đá tại núi Bàn-trà-bà. Sứ giả vội trở về trình tâu lên vua. Đức vua liền sai chuẩn bị xa giá cùng các quan và nhân dân đến chỗ Thái tử. Khi vừa đến núi Bàn-trà-bà, từ xa vua đã thấy tướng mạo của Thái tử sáng rõ như mặt trời, mặt trăng nên liền xuống ngựa dẹp bỏ nghi trượng, không cho người hầu đi theo, vua đến bên Thái tử ngồi và vấn an sức khỏe:

–Thái tử có được bình yên không? Được gặp Thái tử tôi rất vui mừng, nhưng có một điều buồn đó là Thái tử vốn thuộc dòng họ cao quý, nhiều đời nối ngôi làm Chuyển luân vương, có đầy đủ tướng của một vị Chuyển luân, sao lại rũ bỏ tất cả vào trong rừng sâu, giẫm trên gai góc đất cát từ xa đến đây, tôi buồn là vì thấy điều ấy. Nếu Thái tử thấy vua cha còn tại thế, không thể lên ngôi Chuyển luân vương, tôi xin chia nửa nước tôi cho người cai trị, còn nếu Thái tử chưa đồng ý thì tôi xin nhường cả nước cho Ngài, tôi sẽ phụng sự Thái tử. Nếu Thái tử không muốn cai trị vương quốc này, tôi xin giao cho Ngài bốn đạo binh để chiếm lấy một nước khác. Điều ấy chắc không trái với ước nguyện của Thái tử.

Nghe vua Tần-tỳ-sa-la nói thế, Thái tử rất cảm động về tấm chân tình của nhà vua liền đáp:

–Đại vương vốn thuộc dòng họ quyền quý, bản tính cao thượng, thuần thiện, không làm những điều sai quấy, bất nhã, những điều đại vương đã làm đều rất cao đẹp, trong sạch, nay nói những lời ấy không lấy gì làm lạ. Tuy tôi biết lòng chí thành của đại vương hơn hẳn người đời xưa nay nhưng nay đại vương đang tu theo pháp tam kiên là xem thường thân thể, mạng sống và tài sản thì lẽ nào đem pháp bất kiên mà khuyến dụ người khác. Tôi đã bỏ ngôi Chuyển luân thì lý đâu lại nhận ngôi vua. Đại vương có lòng chân thành nhường vương quốc cho tôi, tôi còn không nhận thì lẽ nào lại đem quân đi đánh chiếm quốc gia khác. Sở dĩ tôi nay lìa xa cha mẹ, cạo bỏ râu tóc, không màng ngôi vị là muốn dứt các nỗi khổ sinh già bệnh chết chứ không muốn đi tìm cầu năm món dục lạc ở đời đâu. Năm món dục lạc ấy là đồng lửa thiêu đốt chúng sinh làm cho họ không thoát ra được, sao lại khuyên tôi say đắm nó? Nay tôi đến đây vì muốn tìm hai vị Tiên nhân A-la-la và Ca-lan là các vị đạo sư có con đường giải thoát tối thượng, tôi từ xa đến đó là muốn tìm đạo giải thoát nên không ở lại đây lâu. Tôi đã làm trái với ân điển và

lòng thành của đại vương, mong đại vương chớ phiền trách. Xin đại vương dùng chánh pháp để trị quốc, đừng bỏ dân.

Nói xong, Thái tử đứng dậy từ giã nhà vua. Vua Tần-tỳ-sa-la thấy Thái tử ra đi trong lòng rất luyến tiếc, đôi mắt ứa lệ, chấp tay thưa:

–Vừa gặp Thái tử, lòng tôi rất vui mừng. Nay Thái tử vội ra đi khiến lòng tôi buồn bã. Ngài vì đạo lớn giải thoát, tôi không dám cầm giữ, chỉ mong Thái tử mau chóng thành tựu đạo quả. Nếu Ngài đặc đạo xin độ tôi trước.

Thái tử từ biệt lên đường, vua theo tiễn chân rồi đứng nhìn đăm đăm theo bóng Thái tử cho đến khi Thái tử khuất hẳn mới trở về.

Bấy giờ Thái tử đi đến chỗ vị Tiên A-la-la. Trước đó chư Thiên đã báo với vị Tiên nhân:

–Thái tử Tát-bà Tất-đạt đã lìa bỏ ngôi vị Quốc chủ xa lìa cha mẹ là vì muốn tìm đạo Vô thượng Chánh chân để trừ tận khổ đau cho tất cả chúng sinh, nay người sắp đến đây.

Vị Tiên nhân nghe chư Thiên báo tin rất vui mừng. Trong giây lát đã thấy Thái tử từ xa đi tới, Tiên nhân liền ra nghênh tiếp. Hai vị chào hỏi nhau rồi Thái tử theo vị Tiên nhân vào nơi ông cư trú. Đến nơi, Tiên nhân mời Thái tử ngồi. Nhìn thấy dung mạo Thái tử đoan nghiêm có đủ các tướng tốt, các căn đều thanh tịnh, A-la-la rất kính trọng, ngưỡng mộ, bèn hỏi Thái tử:

–Ngài đi đường có mệt mỏi lắm không? Từ lúc Thái tử sinh ra lớn lên cho đến khi xuất gia rồi đến đây, tôi đều biết cả. Việc Thái tử xuất gia có thể nói như đồng lửa tự cháy, như voi lớn tự thoát khỏi dây cương ràng buộc. Xưa nay các vị vua ở tuổi tráng niên thường phóng túng thọ hưởng năm dục, đến khi tuổi già mới rời bỏ ngôi Quốc chủ xuất gia học đạo, điều đó chẳng có gì lạ. Nay Thái tử trong lúc tuổi còn thanh xuân đã có thể lìa bỏ năm dục, xuất gia học đạo mới thật là hy hữu. Nếu Ngài tinh tấn, sẽ mau qua được bờ bên kia.

Thái tử nghe xong bèn đáp:

–Tôi nghe ngài nói trong lòng thật là vui mừng, vậy ngài hãy giảng cho tôi nghe về phương pháp dứt trừ sinh lão bệnh tử, tôi nay rất muốn nghe.

Tiên nhân đáp:

–Lành thay! Lành thay!

Rồi liền nói tiếp:

–Từ thuở ban đầu, chúng sinh đã sống trong vòng u tối, từ sự u tối ban đầu ấy mà sinh tâm ngã mạn, từ tâm ngã mạn sinh si mê, từ si mê sinh nhiễm ái, từ tâm đã nhiễm ái sinh năm món vi trần khí, từ năm thứ vi trần khí sinh năm đại, từ năm đại sinh ra tham dục, giận dữ... các phiền não, từ đó mà lưu chuyển trong sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não. Nay tôi chỉ nói vắn tắt cho Thái tử nghe như thế.

Khi ấy Thái tử liền hỏi:

–Nay tôi đã biết những điều ngài nói rồi, nhưng bằng phương tiện gì có thể dứt trừ được cội rễ của sinh tử?

Tiên nhân đáp:

–Nếu muốn dứt trừ cội rễ của sinh tử thì trước tiên phải xuất gia tu trì giới hạnh, khiêm cung, nhẫn nhục, ở nơi vắng vẻ an tịnh tu tập thiền định, xa rời mọi ý thức tham muốn xấu, bất thiện, nhưng ý thức lúc đó vẫn còn cảm giác, còn quan sát, đạt được Sơ thiền; trừ bỏ mọi cảm thức và nhận thức, tâm định tĩnh sinh khởi sự hỷ lạc là đạt Nhị thiền. Rồi bỏ tâm hỷ lạc ấy nên được chánh niệm, thân tâm phát sinh niềm vui trọn vẹn là

đạt Tam thiên. Trừ bỏ ý niệm khổ và vui được niệm thanh tịnh, tâm xả ly các niệm thì được Tứ thiên, được tâm vô tướng. Trước đây có một vị cho rằng Tứ thiên ấy chính là giải thoát, từ định mà được giác ngộ. Sau đó mới biết chưa phải là chỗ giải thoát thật sự. Do vậy cần phải xa lìa mọi Sắc tướng đi vào Không tướng, diệt trừ mọi niệm tướng có đối tượng, đi vào Thức tướng. Đoạn trừ tất cả mọi tướng phân biệt chỉ còn trú tâm quán niệm một thức thì được đi vào tướng Vô sở hữu xứ, rồi lại xa lìa hoàn toàn tất cả niệm tướng mà đạt đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Đến được đây mới thật là giải thoát rốt ráo, đó cũng là mục tiêu cuối cùng của người tu học. Nếu Thái tử muốn dứt trừ nỗi khổ sinh già bệnh chết thì nên tu tập theo pháp hành đó.

Lúc ấy Thái tử nghe vị Tiên nhân nói xong trong lòng không vui, tự nghĩ: “Những điều vị ấy vừa nói chưa phải là chỗ rốt ráo, chưa phải là cách dứt trừ vĩnh viễn bao phiền não ràng buộc”. Thái tử bèn nói:

–Nay tôi có điều chưa rõ trong những lời ngài giảng giải nên muốn hỏi.

Tiên nhân đáp:

–Xin được nghe những ý kiến của Ngài.

Thái tử liền hỏi:

–Phi tướng phi phi tướng xứ là hữu ngã hay vô ngã? Nếu nói vô ngã thì không thể nói Phi tướng phi phi tướng xứ, còn nếu nói hữu ngã thì ngã đó có tri giác, hay là không có tri giác? Nếu ngã đó không có tri giác thì khác gì gỗ đá. Nếu ngã ấy có tri giác là còn dính líu vào đối tượng, nếu đã có dính líu đến đối tượng thì sẽ có tâm nhiễm trước, mà tâm còn nhiễm trước thì không thể gọi là giải thoát. Ngài nghĩ là đã dứt hết mọi phiền não ràng buộc nhưng chưa biết còn có những phiền não vi tế; do vậy đã vội cho đó là giải thoát hoàn toàn. Các phiền não vi tế ràng buộc kia sẽ từ từ tăng trưởng khiến chúng sinh luẩn quẩn xoay chuyển trong vòng sống chết vô tận. Vì thế, tôi nghĩ cách tu này chưa phải là giác ngộ tối hậu, đưa đến giác ngộ hoàn toàn. Nếu có thể dứt hẳn ý niệm thì mới có thể gọi là chân giải thoát về ngã, xả bỏ hoàn toàn mọi ức tướng, niệm tướng về ngã thì chính đó mới gọi là giải thoát thật sự.

Tiên nhân yên lặng suy nghĩ: “Điều Thái tử nói thật là thậm sâu, vi diệu”.

Khi đó Thái tử lại hỏi Tiên nhân:

–Ngài mấy tuổi thì xuất gia và tu tập Phạm hạnh đến nay đã bao lâu?

Tiên nhân đáp:

–Tôi xuất gia năm mười sáu tuổi, tu tập Phạm hạnh đến nay đã một trăm lẻ bốn năm.

Thái tử nghe nói liền suy nghĩ: “Từ ngày xuất gia đến nay đã rất lâu mà sở đắc chỉ có như thế sao?”

Khi ấy Thái tử muốn tìm cầu đạo pháp rốt ráo hơn nên đứng dậy từ giã Tiên nhân. Tiên nhân nói với Thái tử:

–Tôi từ trước đến nay tu tập khổ hạnh đã lâu mà chỗ sở đắc chỉ được như thế. Thái tử là dòng dõi vua chúa làm sao có thể tu khổ hạnh được?

Thái tử đáp:

–Sự tu tập như của ngài chưa phải là khổ lắm đâu, vẫn còn những cách tu khổ hạnh khó hơn nữa.

Tiên nhân đã thấy Thái tử trí tuệ hơn người lại có ý chí mạnh mẽ, vững vàng như thế thì biết chắc chắn Thái tử sẽ thành Bạc Nhất Thiết Chứng Trí nên vội thưa:

–Nếu Ngài đặc đạo, xin hãy độ tôi trước tiên.

Thái tử đáp:

–Lành thay!

Kế đó Thái tử đến trú xứ của Tiên nhân Ca-lan để cùng luận bàn đạo lý nhưng cũng chỉ như thế, nên Thái tử liền bỏ ra đi. Hai vị Tiên nhân thấy Thái tử ra đi đều nghĩ: “Trí tuệ của Thái tử thật vô cùng thâm sâu, vi diệu, đặc biệt khác thường, khó ai lường được” nên đồng chấp tay đưa tiễn nhìn theo cho tới khi Thái tử khuất bóng mới trở lại.

Sau khi Thái tử đã điều phục được hai Tiên nhân A-la-la và Ca-lan liền thẳng tiến đến khu rừng khổ hạnh Già-xà, nơi năm anh em ông Kiều-trần-như đang cư ngụ. Thái tử đến bên bờ sông Ni-liên tĩnh tọa tư duy, quan sát căn tánh của chúng sinh, Ngài thấy cần phải tu sáu năm khổ hạnh rồi mới độ thoát cho họ. Suy nghĩ như thế rồi, Thái tử nỗ lực tu khổ hạnh. Lúc ấy chư Thiên dâng cúng mè, gạo cho Ngài. Vì muốn cầu đạo Giác ngộ nên Thái tử tịnh tâm giữ giới, mỗi ngày chỉ ăn một hột mè, một hạt gạo nhưng nếu có người đến xin, Thái tử cũng bố thí hết. Năm người trong nhóm của Kiều-trần-như thấy Thái tử tịnh tọa tư duy, tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một hạt gạo hay một hạt mè, cũng có khi hai ngày hoặc bảy ngày mới ăn một hạt gạo, một hạt mè, nên năm người cũng tu khổ hạnh, luôn ở bên cạnh để hầu hạ Thái tử không lúc nào rời xa. Sau khi thấy Thái tử tu hành như thế, họ liền cử một người trở về thưa với Quốc sư và quan đại thần, thuật lại đầy đủ việc tu tập của Thái tử.

Bấy giờ Quốc sư và quan đại thần trở về cung, khuôn mặt buồn rầu, thân thể mệt mỏi, xơ xác, giống như người vừa đưa tiễn người thân chết mới đi chôn xong, nén đau thương mà trở về nhà. Lúc ấy người giữ cổng thành vội vàng vào trình tâu lên vua:

–Quốc sư và quan đại thần đã về đến ngoài cổng thành.

Vua nghe tâu thở hổn hển, nói không ra lời, chỉ còn biết gật đầu. Người gác cổng biết ý liền lớn tiếng truyền lệnh cho Quốc sư vào gặp vua. Vua quá buồn không thể nói được, hồi lâu mới nghẹn ngào hỏi:

–Thái tử là tính mạng của ta. Các khanh nay về có một mình, thì tính mạng ta làm sao còn được?

Quốc sư đáp:

–Chúng thần vâng lệnh đại vương đi tìm Thái tử, đến chỗ Tiên nhân Bạt-già hỏi thăm tin tức, Tiên nhân cho biết nơi Thái tử đến và thuật lại những lời Thái tử nói, chúng thần liền đi tới, nhưng giữa đường thì gặp Thái tử đang tĩnh tọa tư duy dưới bóng cây, tướng tốt chói sáng hơn cả mặt trời mặt trăng. Thần liền nói với Thái tử về nỗi sầu khổ của đại vương, phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề và chánh phi Da-du-đà-la. Thái tử đã dùng những lời lẽ chân tình nói rằng có lý nào Thái tử không biết mối thâm tình của phụ vương và thân thích đối với Thái tử? Nhưng chỉ vì sợ các nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết, yêu thương khiến phải xa cách nên Thái tử ra đi tìm đạo dứt trừ những nỗi khổ ấy. Từng lời từng chữ của Thái tử nói đều tỏ bày ý chí kiên định, vững vàng như núi Tu-di không thể lay chuyển được, rồi Thái tử bỏ chúng thần ra đi như vứt bỏ cỏ rác. Khi ấy chúng thần liền chọn năm người trong những người tùy tùng bảo đi theo hầu và dõi xem Thái tử đi về đâu và như thế nào. Sau đó có một người trong nhóm ấy về báo với chúng thần là trên đường đến chỗ hai vị đạo sĩ A-la-la và Ca-lan, Thái tử đã được thần lực của chư Thiên đưa qua sông Hằng. Khi Thái tử đến thành Vương xá, vua Tần-tỳ-sa-la đã đến chỗ Ngài dùng bao nhiêu cách khuyên Ngài đừng xuất gia, và hứa sẽ chia nửa đất nước hoặc cả quốc gia cho cai trị, hoặc trao binh quyền để đi chinh phục nước khác nhưng Thái tử đều không ứng thuận và lập tức ra đi, đến chỗ Tiên nhân hỏi về pháp hàng phục tâm, rồi lại đến rừng khổ



hạnh Già-xà, tĩnh tọa tư duy bên dòng sông Ni-liên-thiền, mỗi ngày ăn một hạt gạo, một hạt mè.

Nghe Quốc sư và quan đại thần kể lại mọi việc xong, lòng vua Bạch Tịnh vô cùng buồn rầu toàn thân run rẩy bầy, kinh hoảng tốt độ. Nhà vua nói với hai vị đại thần:

–Thái tử đành bỏ niềm vui hưởng ngôi báu Chuyển luân vương, lìa xa tình thương yêu của cha mẹ và họ hàng thân thuộc vào rừng sâu tu khổ hạnh. Ta nay thật bạc phước nên phải chịu mất người con quý báu như vậy.

Nhà vua đem những lời của Quốc sư nói lại cho Ma-ha Ba-xà-ba-đề và Da-du-đà-la nghe rồi ra lệnh sắp xếp, chuẩn bị năm trăm cỗ xe, phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề và chánh phi Da-du-đà-la cũng cho năm trăm xe đến, mỗi xe đều chở đầy đủ mọi thứ cần dùng. Nhà vua bảo Xa-nặc:

–Người đã đưa Thái tử đến chốn rừng sâu, nay ta truyền lệnh cho người phải đưa ngàn cỗ xe chở lương thực và các thứ cần dùng này đến chỗ Thái tử rồi tùy thời mà dâng cho Thái tử dùng để người thiếu thốn, hết thì hãy về báo.

Xa-nặc vâng lệnh lãnh ngàn cỗ xe tức tốc ra đi. Đến nơi, thấy Thái tử thân hình gầy khô, chỉ còn da bọc xương, các đường gân máu lộ ra như gân của loài hoa Ba-la-xà, Xa-nặc liền cúi đầu đảnh lễ nơi chân Thái tử, quá cảm động nên ngã xuống đất ngất lịm, giây lát tỉnh lại ứa lệ thưa:

–Đại vương thương nhớ Thái tử ngày đêm không nguôi nên sai thần đem một ngàn cỗ xe chở đủ lương thực và vật dụng cần thiết cho Thái tử.

Thái tử trả lời Xa-nặc:

–Ta xa cha mẹ quê hương và đất nước đến đây để tìm con đường giải thoát, lẽ nào lại nhận những thứ vua cho đem đến?

Xa-nặc nghe thế lòng suy nghĩ: “Nay Thái tử không chịu nhận, vậy ta phải nhờ người đưa những xe này về tâu lại với vua, ta ở lại đây để chăm nom, hầu hạ Thái tử”. Nghĩ thế xong, Xa-nặc liền sai một người đưa xe về còn mình thì ở lại âm thầm ngày đêm hầu hạ Thái tử không rời. Một hôm, Thái tử suy nghĩ: “Ta ăn mỗi ngày một hạt gạo, một hạt mè, có lúc bảy ngày mới ăn một hạt gạo, một hạt mè, thân thể nay gầy như cây khô. Ta tu khổ hạnh như thế đã sáu năm rồi mà không tìm được con đường giải thoát; thế mới biết đây không phải là phương pháp tu chân chánh, chi bằng Ta trở lại cách trước khi Ta ngồi dưới bóng cây Diêm-phù suy nghĩ cách xa lìa năm dục, tìm sự vắng lặng, đó là phương pháp đúng nhất. Nếu như nay Ta vẫn theo lối tu khổ hạnh hành xác mà đạt đạo thì những kẻ ngoại đạo sẽ nói rằng tu tập theo cách nhịn đói là nhân của Niết-bàn. Tuy Ta đã hạn chế từ từ sức lực của Ta nhưng cũng không vì thế mà đạt đạo. Ta nên ăn uống lại bình thường, sau đó mới thành đạo”. Nghĩ xong, Thái tử đứng dậy đi xuống dòng sông Ni-liên-thiền tắm rửa. Tắm xong nhưng vì sức quá yếu nên Ngài không lên bờ được. Lúc ấy có vị Thiên thần làm cho cành cây bên bờ sà thấp xuống để Thái tử vịn mà lên bờ.

Lúc đó ở ngoài khu rừng có một mục nữ tên Nan-đà-ba-la được vị Thiên tử ở cõi trời Tịnh cư đến khuyên:

–Nay Thái tử đang ở trong rừng, nàng nên đến cúng dường.

Nàng mục nữ nghe thế, lòng rất mừng vui. Ngay khi ấy bỗng có một đóa hoa sen ngàn cánh từ đất mọc lên, nở ra, bên trên đóa hoa có sẵn bát cháo sữa. Cô gái rất ngạc nhiên liền lấy bát cháo sữa ấy đem đến quỳ lạy, dâng cho Thái tử. Thái tử nhận bát cháo sữa và chú nguyện:

–Nay thí chủ cúng bát cháo sữa để khiến Ta dùng xong phục hồi được khí lực.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Nguyện cho gia đình thí chủ được an vui, vô bệnh, sống lâu, trí tuệ đầy đủ.

Thái tử liền tuyên bố:

–Ta vì muốn cứu vớt chúng sinh nên nhận sữa này.

Chú nguyện xong, Ngài liền dùng bát cháo sữa ấy. Khí lực của Ngài dần dần phục hồi, thân thể tươi sáng, có thể đạt đạo Bồ-đề. Lúc ấy, năm vị nhóm ông Kiều-trần-như kinh ngạc nghĩ là Thái tử đã thoái chí nên cùng nhau quay trở về nơi của họ. Bồ-tát một mình đến dưới bóng cây Tất-bát-la và phát lời thệ nguyện:

–Ta ngồi nơi cội cây này, nếu không thành đạo quyết không đứng dậy.

Đức độ của Bồ-tát lớn lao đến nỗi đất trời cảm động, mặt đất khi ấy chấn động mạnh phát ra âm thanh lớn. Một con rồng mù nghe được tiếng ấy trong lòng vô cùng vui mừng nên hai mắt tự sáng, suy nghĩ: “Ta đã từng thấy điềm lành này của chư vị Cổ Phật trong quá khứ”. Suy nghĩ xong, rồng liền từ đất vọt lên đến lễ nơi chân Bồ-tát. Lúc ấy có năm trăm con chim Thanh tước bay trên hư không vòng quanh Bồ-tát, trên không trung hiện ra các vầng mây lành nhiều màu rực rỡ, các làn gió thơm theo ánh sáng thổi đến. Lúc ấy rồng liền nói kệ ca ngợi Bồ-tát:

*Bồ-tát bước đến đâu  
Mặt đất đều chuyển động  
Phát ra tiếng vang xa  
Ta nghe mắt bừng sáng  
Lại thấy trong không trung  
Khổng tước bay quanh Ngài  
Mây lành thật rực rỡ  
Dịu mát làn gió thơm  
Điềm lành này của Ngài  
Giống như Phật quá khứ  
Do vậy biết Bồ-tát  
Sẽ thành đạo Chánh chân.*

Lúc ấy Bồ-tát nghĩ: “Chư Phật trong quá khứ đã dùng tòa ngồi như thế nào để thành đạo Vô thượng?” Bồ-tát nội quán tự biết chư Phật đã dùng cỏ làm tòa ngồi. Vua trời Đế Thích biết ý nghĩ của Bồ-tát liền hóa thành một người trong tay đang ôm bó cỏ sạch sẽ, mềm mại đến trước Bồ-tát. Bồ-tát hỏi:

–Ông tên gì?

Người ấy đáp:

–Tôi tên là Cát Tường.

Bồ-tát nghe thế lòng rất vui mừng nghĩ: “Ta sẽ phá những điều không lành để thành đạo kiết tường”.

Bồ-tát lại hỏi:

–Cỏ trên tay người có thể cho Ta được không?

Cát tường liền tặng bó cỏ cho Bồ-tát và thưa:

–Bồ-tát nếu đắc đạo, xin độ tôi trước.

Bồ-tát nhận cỏ trải ra làm tòa, thẳng thân ngồi kiết già trên tòa cỏ, theo đúng cách ngồi của chư Phật quá khứ và phát lời thệ nguyện:

–Không thành đạo Chánh giác, Ta quyết không rời khỏi tòa này.

Khi Bồ-tát phát lời nguyện ấy, trời rồng, quỷ thần đều vui mừng, gió mát lành từ bốn phương thổi tới, cầm thú bỗng im tiếng, cây không còn xào xạc, mây bay bụi cuốn



đều sạch sẽ. Đó là điềm lành báo Bồ-tát sắp thành đạo. Cũng lúc ấy, ở trên không trung, tám bộ chúng trời, rồng... vui mừng nhảy múa ngợi khen, còn cung điện của Ma vương ở tầng trời thứ sáu tự nhiên rung động. Ma vương trong lòng buồn bực, tinh thần rối loạn, không còn tâm trí nghĩ đến việc thọ lạc, lo lắng suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm hiện đang ngồi tĩnh tọa nơi cội cây, lia được ngũ dục, không bao lâu sẽ thành đạo Chánh giác. Nếu vị ấy thành đạo, sẽ đưa tất cả muôn loài vượt thoát cảnh giới của ta. Vậy nay trong lúc vị ấy chưa thành đạo, ta phải đến làm cho rối loạn”. Người con của Ma vương tên là Tát-đà thấy cha có vẻ lo lắng liền đến thưa:

–Thưa cha, không rõ vì sao cha có vẻ buồn rầu lo lắng như vậy?

Ma vương đáp:

–Sa-môn Cù-đàm nay đang ngồi nơi cội cây tu hành và sắp đắc đạo. Đạo ấy vượt hơn hẳn đạo của ta nên ta muốn đến đây phá hoại.

Người con vội can ngăn:

–Bồ-tát thanh tịnh vượt cả ba cõi, có thần thông và trí tuệ không gì là không rõ biết, tám bộ chúng trời, rồng... đều ngợi khen. Đối với Ngài, phụ vương không thể phá hoại được, chẳng may tạo ác sẽ tự chuốc lấy tai họa.

Ma vương có ba người con gái hình dung dáng điệu vô cùng mỹ miều, xinh đẹp, có nhiều phương cách để quyến rũ, làm mê hoặc lòng người, đứng đầu trong hàng Thiên nữ. Họ thường xông hương thơm ngát, đeo chuỗi ngọc đẹp. Người thứ nhất tên là Nhiễm Dục, người thứ hai tên Năng Duyệt Nhân, người thứ ba tên là Khả Ái Lạc, ba cô đến trước cha và hỏi:

–Không biết vì sao hôm nay cha lại rầu lo như vậy?

Ma vương bèn giải bày lòng mình với ba con gái:

–Hiện nay có Sa-môn Cù-đàm ở thế gian, mình mặc áo giáp Pháp, tay cầm cung tự tại, bắn mũi tên trí tuệ muốn thu phục chúng sinh, hủy hoại cảnh giới của ta. Nếu ta không có phương cách diệt trừ thì chúng sinh sẽ tin tưởng và đều theo về với vị ấy, cảnh giới ta sẽ trở nên trống rỗng, chính vì vậy mà ta buồn rầu. Trong lúc vị ấy chưa thành đạo, ta muốn đến phá hoại làm gãy cây cầu đưa đến bờ giác của vị ấy.

Dự định như thế Ma vương liền tay cầm cung cứng và năm mũi tên cùng với con trai, con gái và chúng thiên ma kéo đến dưới cây Tát-bát-la thấy Đức Mâu-ni ngồi lặng lẽ không động, sắp vượt bể sinh tử của ba cõi. Ma vương lập tức tay trái cầm cung, tay phải cầm tên hét lớn báo Bồ-tát:

–Người thuộc dòng Sát-đế-lợi, chết thật oan uổng, sao không mau rời khỏi đây, lên ngôi Chuyển luân vương, bỏ con đường xuất gia, thực hành bố thí sẽ được sinh lên trời hưởng thiên lạc, đó là đạo cao nhất, hơn cách tu tập này. Người là dòng dõi vua Chuyển luân mà lại đi làm khất sĩ, thật không xứng đáng. Nay nếu không đứng dậy thì ngồi yên mà hủy bỏ lời thệ nguyện. Với người, ta chỉ cần bắn một mũi tên. Các Tiên nhân khổ hạnh chỉ nghe tiếng cung tên của ta không người nào không kinh hồn, khiếp sợ, hoảng loạn, mất hết tinh thần; huống chi Cù-đàm, người sao chịu nổi những mũi tên độc này. Nếu mau đứng lên sẽ được an toàn.

Ma vương dùng lời đe dọa Bồ-tát nhưng Bồ-tát vẫn an nhiên không chút kinh động. Ma vương liền phóng tên và đưa ma nữ đến. Khi ấy Bồ-tát mắt không nhìn nhưng những mũi tên ấy bỗng dừng lại ở khoảng không, mũi tên rơi xuống đất hóa thành những đóa sen. Lúc ấy ba nàng ma nữ liền nói với Bồ-tát:

–Nhân giả là bậc đức cao, trời người đều kính trọng nên cần có người hầu hạ. Chúng

tôi nay tuổi còn trẻ, những Thiên nữ xinh đẹp nhất cũng không hơn được chúng tôi. Nay trời sai chúng tôi đến để ngày đêm hầu hạ Bồ-tát.

Bồ-tát nói:

–Các người nhờ có trồng ít phước đức nên được sinh lên trời lại không nhớ nghĩ đến vô thường mà làm điều mê hoặc. Thân hình tuy đẹp mà lòng không đoan chính, tâm nhiều dục vọng bất thiện, chết ắt bị sa vào ba đường dữ, mang thân cầm thú khó mà thoát nạn. Nay các người có ý muốn làm loạn tâm trí Ta, không phải tâm thanh tịnh. Hãy đi đi! Ta không cần các người.

Khi ấy cả ba ma nữ bỗng biến thành ba bà lão tóc bạc, da nhăn rãnh rụng, nước miếng phều phào, gầy trơ xương, bụng to như cái trống, chống gậy lê bước đi, không thể lấy lại hình dáng như cũ.

Ma vương thấy tâm Bồ-tát quá vững mạnh liền nghĩ: “Ngày xưa trong núi Tuyết, ta từng bắn Ma-hê-thủ-la làm cho hoảng sợ, đánh mất tâm lành, thế mà nay không làm lay chuyển được Cù-đàm, cung tên và ba đứa con gái của ta cũng đều không lay chuyển được ông ấy làm ta thêm lo rầu giận dữ. Ta phải dùng cách khác mới được”. Nghĩ xong Ma vương dùng lời êm dịu khuyên dụ Bồ-tát:

–Nếu Ngài không ưa thích thọ hưởng thú vui của cõi người thì nay có thể lên cung trời, ta sẽ trao ngôi vị và năm món dục cho Ngài.

Bồ-tát đáp:

–Trong các đời trước người do tu đôi chút hạnh bố thí nên nay được ngôi Tự tại Thiên vương. Phước báu ấy cũng có hạn, hết hạn sẽ bị chìm đắm trong ba đường, muốn thoát ra rất khó. Đó là nguyên nhân của tội khổ, chẳng phải điều Ta cần.

Ma vương hỏi Bồ-tát:

–Quả báo của ta Ngài biết rồi, vậy quả báo của Ngài ai biết?

Bồ-tát đáp:

–Quả báo của Ta chỉ có đất biết.

Bồ-tát vừa dứt lời, mặt đất liền rung động sáu cách. Lúc ấy một vị Địa thần tay cầm bình bảy báu cắm đầy hoa sen từ đất vọt lên nói với Ma vương:

–Xưa kia Bồ-tát đã từng đem đầu, mắt, nã, tủy để bố thí cho chúng sinh, máu Ngài đã đổ ra thấm ướt khắp nơi. Đất nước, vợ con, châu báu... Bồ-tát đều đã bố thí, số ấy không thể kể xiết, chỉ để cầu đạo Vô thượng Chánh chân. Do đó người nay không nên làm loạn động Bồ-tát.

Ma vương nghe thế lòng sinh sợ hãi, lông tóc dựng đứng. Vị Địa thần liền đánh lễ Bồ-tát, dâng hoa cúng dường rồi biến mất.

Khi ấy Ma vương suy nghĩ: “Ta đã dùng cung mạnh tên sắt, cả ba con gái ta cũng đã dùng lời êm ái để mê hoặc mà vẫn không thể làm loạn tâm vị Cù-đàm này. Nay ta phải huy động hết tất cả phương tiện và lực lượng quân ma dùng sức mạnh uy hiếp ông ta”. Ma vương vừa nghĩ xong lập tức quân ma hiện ra đầy cả không trung với hình dáng quái dị. Kẻ thì cầm kiếm, kích, đầu đội đai thọ, tay cầm chày sắt; cả đoàn mang theo rất nhiều các loại khí giới. Bọn chúng thân người nhưng đầu lại là đầu các loại thú như cá, heo, lừa, ngựa, sư tử, rồng hoặc như gấu, cọp, các loài thú khác. Có loài nhiều đầu, mỗi mặt một con mắt, hoặc nhiều mắt; hoặc bụng to thân dài, hoặc ốm trong như không có bụng; hoặc chân dài gối lớn; hoặc gót chân to, bắp chân mập; hoặc móng dài răng nhọn; hoặc đầu ở trước ngực; hoặc có nhiều thân mình mà chỉ có hai chân; hoặc mặt lớn, mặt ở một bên; hoặc sắc mặt như tro đất; hoặc mình phóng khói lửa; hoặc lỗ tai to như lỗ tai voi trùm cả

núi; hoặc tóc dài lỏa thể; hoặc sắc mặt nửa đỏ nửa trắng; hoặc môi xệ chấm đất; hoặc dưới mặc khố trên mặc áo da cạp, da sư tử, da rắn hoặc rắn quấn quanh người; hoặc trên đầu lửa bốc; hoặc mắt trợn tay quơ; hoặc đi ngang hoặc nhảy nhót; hoặc lăn lộn trên không trung; hoặc chạy bộ la hét... không biết bao nhiêu loài có hình dạng quái ác như thế bao xung quanh như muốn xé xác Ngài. Hoặc làm bốn phía khói, lửa bốc cháy rực trời; hoặc nổi lên âm thanh cuồng loạn, vang động, khắp các hang núi, gió, lửa, khói bụi mờ mịt không thể nhìn thấy gì cả. Nước trong bốn biển cùng lúc trào dâng. Các chúng trời, người, rồng, quỷ... theo bảo hộ Bồ-tát đều giận bợn ma chúng đến nổi máu từ các lỗ chân lông ứa ra. Các vị trời ở cõi Tịnh cư thiên thấy bợn ma làm rối loạn Bồ-tát nên vì lòng từ bi, sợ chúng làm tổn hại Ngài liền xuống đứng trên hư không quan sát thấy vô số vô lượng quân ma vây quanh Bồ-tát găm rú, kêu gào thật hung tợn làm vang động trời đất, nhưng Bồ-tát vẫn ngồi bất động, gương mặt không đổi sắc, khác nào Sư tử ở giữa đàn nai nên đều cất lời khen ngợi:

–Ôi thật là kỳ diệu! Chưa từng thấy bao giờ! Bồ-tát chắc chắn sẽ thành Chánh giác.

Ma quân khi ấy gấp rút đem hết lực lượng đến phá Bồ-tát. Chúng hoặc trợn mắt nghiêng răng, hoặc bay nhảy loạn xạ ngang qua trước Bồ-tát, nhưng Bồ-tát xem chúng như trẻ con đùa giỡn. Ma vương càng giận dữ gia tăng sức phá phách, Bồ-tát lấy sức từ bi khiến những kẻ ôm đá không sao nhấc lên được; ôm lên được thì lại không đặt xuống được. Dao bay, kiếm phóng đều dừng lại ở giữa khoảng không. Sấm chớp, mưa lửa đều hóa thành hoa năm sắc. Rồng dữ phun độc, độc ấy biến thành gió thơm. Bao nhiêu thứ dữ nhằm làm hại Bồ-tát nhưng không thể đụng đến Ngài.

Ma vương có một người chị và một người em tên là Di-già và Ca-lợi, cả hai đều cầm vũ khí là đầu lâu người chết, đến trước Bồ-tát làm nhiều cử chỉ quái dị để làm loạn tâm Ngài. Toàn bộ chúng ma quân đều hiện thân hình kinh dị muốn khủng bố Bồ-tát, nhưng tất cả đều không động được một sợi lông của người. Ma vương thấy vậy trong lòng càng uất ức, buồn lo, rầu rĩ.

Lúc ấy trong không trung có vị Thiên thần tên Phụ Đa ẩn thân và lên tiếng:

–Ta thấy Đức Mâu-ni tâm ý an tịnh, hỷ xả, không chút oán hận. Chúng quân ma khởi lên lòng thâm độc phá hoại mà Ngài vẫn không oán hờn. Các loại quỷ ác ngu ngốc, chúng người chỉ tự làm mình mệt nhọc, hoàn toàn không được lợi gì cả. Nay nên bỏ tâm giận dữ toan phá hoại Ngài bởi vì miệng các người dù có thể thổi lay động núi Tu-di, có thể làm cho lửa lạnh đi, nước nóng lên, đất cứng bị mềm nhão, nhưng các người không thể hại Bạc Bồ-tát đã trải qua nhiều kiếp tu tập thiện quả, thiền định chân chánh, tinh cần tu hành các pháp môn, nên trí tuệ an tịnh, sáng suốt, bốn công đức ấy không thể diệt trừ được. Nếu không trải thân qua vô lượng khổ khó ấy thì không thể đạt được quả Chánh giác. Như ngàn mặt trời soi sáng tất diệt hết bóng tối, dù cây được lửa, đào đất được nước, chăm lo tu tập các pháp thì có thể đạt được điều mong muốn. Chúng sinh ở đời đang bị chìm đắm trong ba độc không có người cứu vớt; vì lòng từ bi, Bồ-tát tìm thuốc trí tuệ vì đời mà trị bệnh, các người sao lại quấy phá như vậy? Chúng sinh trong thế gian mê mờ, phiền não, vô trí, tà kiến; nay Ngài mở bày pháp nhãn, dắt dẫn chúng sinh để họ tu tập theo chánh đạo, sao các người lại quấy rối Bạc Đạo Sư? Đó là điều không thể làm được, giống như nơi đồng trống mà xem thường người dẫn đường. Chúng sinh bị rơi vào đêm tối mờ mịt, hoang mang không biết đường nơi đâu, Bồ-tát vì họ mà thấp đèn trí tuệ lớn, các người sao lại muốn thổi tắt đi? Chúng sinh bị chìm đắm trong bể sinh tử, Bồ-tát vì họ mà tạo thuyền trí tuệ sao các người lại muốn làm cho thuyền đắm? Bồ-tát lấy nhẫn nhục làm

mầm, tâm kiên định làm rỗi, dùng chánh pháp vô thượng để đạt quả vị Phật-đà, sao các người lại chặt phá? Tham, sân, si trói buộc chúng sinh, Bồ-tát tu tập khổ hạnh vì muốn giải thoát cho họ. Hôm nay Ngài quyết định ngời kiết già thiền định nơi cội cây này để thành đạo vô thượng, nơi ấy chính là tòa kim cương của chư Phật quá khứ, các vùng đất khác dù rung chuyển nhưng vùng đất ấy vẫn không rung động. Ngài đã nhập vào định nhiệm mầu, chẳng người nào có thể lay chuyển được. Ma vương, người phải sinh lòng vui mừng, dứt tâm kiêu căng, sửa đổi suy nghĩ để phụng sự Ngài.

Ma vương nghe những lời ấy, lại thấy Bồ-tát vẫn điềm nhiên nên xấu hổ không còn lòng kiêu mạn, theo lời khuyên trở về cung ma. Chúng quân ma tan rã, lòng đầy buồn bã, khốn khổ, không còn chút uy vũ nào, khí giới bỏ rơi ngổn ngang khắp rừng núi.

Khi ác ma đi rồi, Bồ-tát tâm yên tĩnh, vắng lặng không động. Trên trời không một bóng mây, gió ngừng thổi, vầng tịch dương cuối ngày như sáng lên gấp bội, bóng nguyệt hằng vừa ló dạng nhẹ soi khắp nơi, các chòm sao trời như rực rỡ hẳn, tất cả mọi thứ u ám, tối tăm không còn làm trở ngại. Trên hư không, chư Thiên tung hoa đẹp xuống như mưa, tấu nhạc cúng dường Bồ-tát.

Vào đêm mồng bảy tháng hai, Bồ-tát dùng sức từ bi hàng phục Ma vương xong liền phóng hào quang lớn và nhập định suy nghĩ về chân lý. Từ trong các pháp thiền định tự tại, Bồ-tát biết được trong vô lượng kiếp ở quá khứ, bỏ thân mạng ở chỗ này sinh đến chỗ kia và đã tạo những nghiệp thiện ác gì, cha mẹ họ hàng, giàu nghèo, sang hèn, thọ yếu và tên họ như thế nào đều biết rõ. Sau đó Bồ-tát liền khởi lòng đại Bi đối với chúng sinh suy niệm: “Tất cả chúng sinh không có người cứu vớt nên luân hồi trong năm đường không biết bến đâu. Năm đường ấy đều giả dối, không chân thật, thế mà chúng sinh ở trong ấy cứ mãi đùa giỡn trong khổ lạc”. Bồ-tát nghĩ như thế cho đến hết canh một.

Vào lúc giữa đêm, Bồ-tát đạt được Thiên nhãn minh. Bồ-tát xem xét mọi việc trong thế gian đều thấy rất rõ ràng như tự thấy hình dung mình trong gương. Ngài thấy vô số chúng sinh với nhiều chủng loại, chết ở đây sinh ở kia, tùy theo nghiệp thiện ác mà thọ quả báo khổ vui; thấy chúng sinh bị trừng phạt trong địa ngục như đổ nước đồng sôi vào miệng, hoặc ôm cột đồng nóng đỏ, hoặc nằm giường gai, hoặc bị rang đốt trong chảo sắt, hoặc bị nướng trên lửa, hoặc bị cọp beo, lang sói ăn thịt, có người nấp dưới bóng cây để trốn lửa nhưng những lá cây khi rụng xuống lại biến thành đao kiếm cắt đứt thân thể, hoặc bị cửa búa cửa chặt tứ chi, hoặc bị ném vào dòng sông lửa đầy tro bụi, hoặc bị ném vào hầm phân uest... chịu bao nhiêu thứ khổ nhưng do nghiệp báo phải chết đi sống lại để chịu cảnh ấy. Bồ-tát thấy những hình phạt ấy rồi, quán niệm: “Những chúng sinh ấy vốn vì cái vui ở thế gian nên tạo các nghiệp ác, nay gặp quả báo thật là đau khổ. Nếu người nào thấy được quả báo như thế thì sẽ không có ý làm việc ác.”

Bồ-tát lại xem xét cõi súc sinh, thấy rõ các loại súc sinh tùy theo giống loài mà phải mang những hình dáng xấu xa, có loài xương thịt, gân sừng, răng lông bị người giết thịt hay bắt chuyên chở nặng nề, đói khát thiếu thốn không ai biết đến, hoặc bị xỏ mũi, hoặc bị cột đầu, thường cung cấp thịt cho người, lại cùng đồng loại ăn thịt lẫn nhau, chịu bao nhiêu nỗi khổ như thế. Bồ-tát thấy thế sinh tâm đại Bi liền nghĩ: “Những chúng sinh ấy luôn phải lấy thân thể, sức lực để phục vụ cho con người và còn bị đánh đập đói khát thống khổ đều do bao nghiệp dữ nên chịu quả báo như thế.”

Bồ-tát lại xem xét tiếp cõi ngạ quỷ, thấy chúng thường ở những nơi tối tăm, chưa từng thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng và cũng không trông thấy nhau, phải mang thân thể

lớn dài, bụng to như Thái sơn nhưng cổ lại nhỏ như cây kim, trong miệng thường có lửa bốc cháy, luôn luôn bị đói khát hành hạ đến ngàn muôn vạn năm không nghe được tiếng “ăn”. Nếu gặp trời mưa thì hạt nước biến thành hạt ngọc lửa, nếu vào nơi sông biển ao hồ thì thấy nước biến thành nước đồng sôi, tro bụi mịt mù, thân thể cử động bước đi tạo ra tiếng như người kéo năm trăm cỗ xe, từng đoạn thân thể đều có lửa đốt. Bồ-tát thấy ngạ quỷ chịu bao nhiêu điều khổ như thế nên khởi tâm đại Bi suy nghĩ: “Những chúng sinh đó vốn có tính keo bần, chỉ lo chứa của cải, không biết bố thí nên nay phải chịu những tội báo này. Nếu người nào thấy được nỗi thống khổ ấy chắc sẽ phát tâm bố thí, không còn keo kiệt. Nếu như không có tài sản, họ cũng phải cắt thịt bố thí”.

Bồ-tát lại quan sát ở nhân gian, thấy con người bắt đầu từ thân trung ấm theo dục mà vào thai, cha mẹ hòa hợp do niệm điên đảo sinh ra tâm ái, tức là lấy điều bất tịnh làm thân mình. Khi đã vào thai ở trong bụng mẹ, thân thể bị đun nóng như nổi khổ ở địa ngục, đến đủ mười tháng mới sinh ra. Lúc mới sinh, được người khác bông ẵm, xúc chạm thô rít nên đau đớn, thống khổ như bị đao gươm châm chích, chẳng bao lâu lại đến già chết, rồi lại sinh ra làm trẻ con ... cứ thế trôi lăn trong năm nẻo không thể tự tỉnh. Sau khi nội quán, Bồ-tát khởi tâm đại Bi, suy nghĩ: “Tất cả chúng sinh đều có nỗi khổ như thế nhưng tại sao họ cứ ở trong cảnh ấy tham đắm các món dục cho đó là vui, không thể dứt trừ nguồn cội điên đảo”.

Cuối cùng Bồ-tát quán sát cõi trời, thấy các vị Thiên tử thân thể trong sạch, không bị bụi nhơ, như ngọc lưu ly sáng láng, đôi mắt sạch trong không bụi. Có vị trụ ở đỉnh núi Tu-di, hoặc ở bốn phía núi Tu-di, hoặc ở giữa hư không, lòng thường vui vẻ không có mối lo, thường tấu nhạc trời để làm vui, không biết ngày đêm, khắp nơi bốn phương nơi nào cũng tuyệt diệu. Bồ-tát thấy chư Thiên ở phương Đông mê đắm nhiều năm, quên sự chuyển đời, chư Thiên ở phương Tây cũng mãi mê thọ lạc, ngày qua tháng lại không nghĩ đến việc thác sinh, các phương Nam, phương Bắc đều như thế. Ăn uống, áo quần hề nghĩ tới là có ngay. Tuy có những điều vừa ý như thế nhưng cũng bị lửa dục nung nấu. Đến lúc phước ở cõi trời hết thì năm tướng chết hiện ra: một là hoa trên đầu héo, hai là mắt nháy, ba là ánh sáng trên thân không còn, bốn là dưới nách mồ hôi xuất, năm là tự nhiên rời khỏi tòa ngai của mình. Các quyến thuộc nhìn thấy năm tử tướng ấy hiện ra sinh tâm quyến luyến. Vị Thiên tử ấy tự thấy thân mình hiện năm tử tướng lại thêm các quyến thuộc quyến luyến nên ngay khi đó sinh lòng đau khổ. Bồ-tát thấy các Thiên tử như vậy nên khởi tâm đại Bi suy nghĩ: “Các vị Thiên tử vốn tu tập ít điều thiện nên được thọ hưởng lạc thú cõi trời nhưng khi sắp hết phước cũng vẫn sinh khổ não, mạng chung bỏ thân trời vẫn có thể đọa vào ba đường ác. Mục đích tu là để cầu quả báo vui, nhưng họ được rồi lại vẫn ít vui nhiều khổ, giống như người đói ăn thức ăn độc, trước có thể ngon miệng nhưng sau đó là tai họa. Bậc trí lại ham cái vui ấy sao? Chư Thiên ở cõi Sắc và Vô sắc giới thấy thọ mạng lâu dài liền cho là có vui lâu dài, đến khi thấy tướng suy hoại cảm thấy đau khổ, sinh ra tà kiến phỉ báng, cho là không có nhân quả vì thế mà bị trôi lăn trong ba đường chịu đủ mọi nỗi khổ”.

Bồ-tát dùng Thiên nhãn xem khắp năm đường khởi tâm từ bi suy nghĩ: “Trong ba cõi không một chút vui” suy nghĩ như thế đến tận nửa đêm. Sang canh thứ ba, Bồ-tát xem xét chúng sinh do nhân duyên gì mà có già chết? Và biết rõ chính do có sinh nên có già chết, nếu xa lìa sinh thì không có già chết. Lại hiện tượng sinh ấy không phải từ trời sinh xuống, không phải tự nhiên sinh mà do từ nhân duyên sinh ra. Do tham dục với Sắc và Vô sắc nên sinh ra nghiệp. Bồ-tát lại quán nghiệp trong Tam hữu từ đâu sinh, liền biết từ Bốn thủ



sinh ra. Cứ thế Bồ-tát nội quán thấy rõ bốn thủ từ ái sinh, ái từ thọ sinh, thọ từ xúc sinh, xúc từ lục nhập sinh, lục nhập do danh sắc sinh, danh sắc từ thức sinh, thức từ hành sinh, hành từ vô minh sinh ra. Nếu diệt được vô minh thì diệt được hành, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già chết, lo buồn, sầu thương diệt. Cứ như thế Bồ-tát nội suy, quán niệm mười hai nhân duyên theo hai chiều thuận, nghịch đến canh ba thì phá được vô minh. Vắng thái dương vừa hiện, Bồ-tát tìm được ánh sáng trí tuệ, tâm đoạn trừ hoàn toàn tập khí phiền não chướng ngại và thành Bạc Nhất Thiết Chứng Trí.

Khi ấy Như Lai suy nghĩ về tám Thánh đạo chân chánh, là con đường mà ba đời chư Phật đã đi để đến Niết-bàn, nay Ngài đã thể đạt được, thành tựu trí tuệ vô ngại. Lúc ấy toàn mặt đất hiện ra mười tám tướng chấn động, khắp nơi đều sạch trong, không có một mảy bụi trần, trống trời tự phát ra tiếng, gió thơm thổi lên êm ái mát mẻ, mây lành nhiều sắc tuôn mưa cam lộ, hoa quả ở trong các khu lâm viên bỗng nảy lộc, kết trái dù không phải mùa. Từ trời cao rơi xuống các loại hoa quý như hoa Mạn-đà-la, Đại Mạn-đà-la, Mạn-thù-sa và Đại Mạn-thù-sa, hoa vàng, hoa bạc, hoa lưu ly... Hoa sen bằng bảy báu phủ đầy quanh cây Bồ-đề đến ba mươi sáu do-tuần. Cùng lúc đó chư Thiên tấu Thiên nhạc, đốt hương, ca hát, khen ngợi, tay cầm bảo cái, tràng phan hiện ra đầy khắp hư không mà cúng dường Đức Như Lai. Tám bộ chúng rồng, thần... đều cúng dường như thế. Ngay lúc ấy tất cả chúng sinh đều khởi lòng từ yêu thương, không có ý tưởng giận dữ làm hại, vui mừng phấn chấn như thấy được Thánh tích, không sợ hãi mà ôn hòa, không kiêu căng, không keo kiệt, ganh tị đối trá. Các Thiên tử ở cõi trời Ngũ Tịnh cư, nơi đã xa lìa các trạng thái tâm hỷ lạc cũng đều vui mừng không kềm chế được. Nổi thống khổ ở địa ngục tạm thời giảm bớt, chúng sinh ở cõi đó đều khởi sinh niệm hoan hỷ, tất cả loài súc sinh hay ăn thịt nhau bỗng không còn lòng ác, nọ quý nọ đủ không còn đói khát. Những nơi u ám của thế giới, nơi mặt trời mặt trăng chưa bao giờ chiếu tới nay bỗng sáng tỏ, chúng sinh trong các cõi ấy thấy được nhau đều thắc mắc tại sao nơi đây bỗng nhiên có chúng sinh. Vị Pháp Vương Đại Thánh xuất hiện khai sáng cho đời, dùng ánh sáng chánh pháp phá bỏ màn phi pháp u tối, làm cho mọi nơi đều sáng rõ. Vương tử Cam Giá bỏ ngôi học đạo đạt được Ngũ thông, do tu Thập thiện nên được sinh lên trời, lúc ấy cũng dùng thần thông đến bên cội Bồ-đề, từ hư không vui mừng chấp tay khen ngợi:

–Trong dòng họ Cam Giá của chúng ta, có người diệt được phiền não thành Bạc Nhất Thiết Chứng Trí, làm con mắt cho thế gian. Thật là lạ lùng đặc biệt!

Tất cả chúng sinh đều hoan hỷ tốt độ, chỉ có Ma vương là ôm lòng phiền muộn.

Bấy giờ Đức Như Lai trong bảy ngày vẫn ngự tại cội Bồ-đề tư duy nội quán: “Ta ở tại đây diệt hết phiền não, những việc phải làm đã làm xong, bản nguyện hoàn thành. Pháp mà Ta chứng được thật là vi diệu, chỉ có Phật và Phật mới hiểu được. Toàn thể chúng sinh trong đời ngũ trước bị che khuất bởi tham muốn, giận dữ, ngu si, tà kiến, kiêu mạn, dua nịnh, phước đức mỏng manh, căn trí trì độn, không có trí tuệ làm sao có thể hiểu được pháp mà Ta đã chứng. Nếu nay Ta vì họ mà chuyển pháp luân chắc họ sẽ mê mờ, nghi ngờ, không thể tin theo rồi sinh chệch lạc mà bị sa vào đường ác chịu bao thống khổ, vậy Ta nên yên lặng mà vào Niết-bàn”. Khi đó Đức Như Lai nói kệ:

*Đường Thánh thật khó đi  
Quả trí tuệ khó đạt*



## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Ta trong khó khăn ấy  
Mọi việc làm đã xong  
Trí tuệ Ta đạt được  
Là vì diệu đệ nhất  
Tánh chúng sinh trì độn  
Chìm đắm trong mê mờ  
Trôi theo dòng sinh tử  
Không thể trở về nguồn  
Các loài đều như thế  
Làm sao cứu vớt được.*

Bấy giờ vị Đại phạm thiên thấy Như Lai đã chứng Thánh quả mà yên lặng không chuyển pháp luân, lòng buồn rầu suy nghĩ: “Thế Tôn đã từng vô lượng kiếp vì chúng sinh ở lâu dài trong sinh tử, lìa bỏ ngôi vị, vợ con, cho đến đầu, mắt, não, tủy, chịu bao khổ sở, nay nguyện đã thành, chứng Bạc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sao lại lặng yên không chuyển pháp luân, nếu thế chúng sinh sẽ phải chìm mãi trong biển sinh tử. Ta nay phải đến cầu xin Phật chuyển pháp luân”. Nghĩ thế rồi, vị Phạm thiên rời Thiên cung đến chỗ Đức Như Lai nhanh như khoảng thời gian một lực sĩ co duỗi cánh tay. Đến nơi, Phạm thiên cung kính chấp tay, lễ xuống chân Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng rồi ngồi sang một bên chấp tay, quỳ bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Ngài từ xưa đến nay từng ở mãi trong sinh tử bỏ cả thân đầu mắt để bố thí, chịu bao nỗi khổ, chỉ vì chúng sinh mà tu tập tất cả đức hạnh, nay đã thành đạo, sao Ngài lại lặng yên không chuyển pháp luân. Chúng sinh đang chìm trong đêm dài sinh tử, rơi vào vô minh, thật khó biết khi nào ra khỏi, nhưng cũng có chúng sinh trong đời trước được gần gũi bạn lành, vun trồng các công đức nên có thể nghe pháp, nhận lãnh đạo Thánh, vậy xin Thế Tôn thương xót hãy vì những chúng sinh đó mà chuyển pháp luân.

Trời Đế Thích và trời Tha hóa tự tại cũng đến khuyến thỉnh Như Lai hãy vì chúng sinh mà chuyển pháp luân.

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo các vị Thiên vương:

–Ta cũng muốn vì tất cả chúng sinh chuyển pháp luân, nhưng chỉ vì pháp mà Ta chứng được vô cùng vi diệu, sâu xa, khó hiểu khó bàn, chúng sinh thật khó có thể tin và vâng theo, lại sinh lòng phỉ báng mà phải sa vào địa ngục. Ta nay vì thế mà yên lặng.

Trời Phạm thiên và Đế Thích phải ba lần khuyến thỉnh, đến hết ngày thứ bảy, Phật mới yên lặng nhận lời. Chư Thiên biết Phật đã nhận lời liền cúi lạy xuống chân Phật rồi trở về Thiên cung.

Sau khi nhận lời khuyến thỉnh của Phạm thiên và Đế Thích, Thế Tôn liền dùng Phật nhãn quán sát, thấy rõ chúng sinh có ba bậc thượng căn, trung căn và hạ căn; các phiền não cũng có ba loại thượng, trung và hạ. Quán sát như thế cho đến mười bốn ngày, Phật lại nghĩ: “Ta nay sắp mở cửa cam lộ nhưng ai xứng đáng là người đầu tiên được nghe pháp? Tiên nhân A-la-la là người thông tuệ, có thể hiểu được giáo pháp này. Vị ấy từng nguyện là nếu Ta thành đạo thì độ ông ta trước”. Thế Tôn vừa nghĩ như thế thì trong không trung có tiếng:

–Tiên nhân A-la-la vừa qua đời đêm hôm qua.

Đức Thế Tôn đáp:

–Ta cũng đã biết đêm qua ông ấy qua đời.

Phật lại nghĩ: “Tiên nhân Ca-lan căn tánh lanh lợi, có thể hiểu được giáo pháp của

Ta, xứng đáng được nghe pháp trước tiên”. Trong không trung lại có tiếng nói:

–Tiên nhân Ca-lan cũng đã vừa qua đời đêm hôm qua.

Thế Tôn cũng đáp như trước rồi Ngài lại nghĩ: “Năm anh em Kiều-trần-như theo lệnh Quốc sư và quan đại thần ở lại chăm nom, hầu hạ Ta, đều là những người thông minh. Ngoài ra trong đời quá khứ, họ đã phát nguyện với Ta là mong được nghe pháp trước tiên, Ta nay nên vì năm người này mà mở cửa chánh pháp”. Lại nghĩ: “Chư Phật quá khứ chuyển pháp luân đều tại vườn Lộc dã, trụ xứ của các vị Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, năm người kia cũng cư trú nơi ấy. Ta nay nên đến đó chuyển đại pháp luân”. Nghĩ thế rồi, Thế Tôn đứng dậy đi đến nước Ba-la-nại.

Bấy giờ có năm trăm người lái buôn do hai vị thương chủ là Bạt-đà-la-tư-na và Bạt-đà-la-lê dẫn đầu đang đi qua cánh đồng trống. Một vị Thiên tử hiện đến nói với họ:

–Có Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện, khai hóa cho đời, là ruộng phước cao quý bậc nhất. Các người nên đến trước Ngài cúng dường.

Vị thương chủ nghe vị Thiên tử nói như thế, mừng rỡ khen ngợi và hỏi:

–Lời dạy ấy thật là tốt lành! Đức Thế Tôn giờ ở nơi đâu?

Vị Thiên tử đáp:

–Không lâu nữa, Thế Tôn sẽ đi ngang qua đây.

Lúc ấy Như Lai có vô số chư Thiên hộ tống đến thôn Sa-bạt-lợi. Hai người lái buôn thấy Đức Như Lai tướng mạo uy nghi trang nghiêm, lại thấy chư Thiên vây quanh trước sau hộ tống nên lòng càng vui mừng bèn dùng mật ong và đường dâng lên cúng dường Phật. Lúc ấy Thế Tôn nghĩ: “Chư Phật trong quá khứ dùng Bát-đa-la để đựng thức ăn”. Bốn vị Thiên vương biết ý nghĩ của Phật nên mỗi vị đem một cái bát đến dâng cho Phật. Đức Thế Tôn nghĩ: “Nếu Ta nhận bát của một vị thì các vị kia sẽ không vui” nên Ngài nhận hết và đặt bốn cái bát lên nhau, dùng bàn tay ấn xuống thành một bát, bốn cạnh bát hiện lên rất rõ. Thế Tôn chú nguyện:

–Nay các ông cúng dường các món này, mong Ta dùng xong sẽ tăng khí lực, Ta cũng chú nguyện cho các ông được sức khỏe, bền tâm, vui vẻ, an lạc, yên ổn không bệnh tật, sống lâu và được thiện thần phù hộ. Do cúng dường trai thực sẽ dứt được gốc rễ ba độc, tương lai sẽ đạt tam kiên pháp, thông minh trí tuệ, hết lòng tin tưởng Phật pháp, sinh ra ở đâu cũng đều có chánh kiến, không mê muội. Trong hiện tại cha mẹ vợ con, quyến thuộc thân thích đều sum vầy, không có những chuyện quái lạ, chẳng lành xảy ra, người trong gia đình có ai làm ác mà đọa vào đường dữ sẽ do phước báu bố thí này được sinh trong cõi người, cõi trời, không khởi tà kiến, tiến tu công đức, thường được ở gần chư Phật Như Lai, được nghe pháp nhiệm mầu, chứng được chân lý đầy đủ như ý nguyện.

Đức Thế Tôn chú nguyện xong mới thọ thực. Sau khi thọ thực, rửa tay và bát xong, Ngài truyền pháp tam quy cho các thương gia: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng-già ở tương lai. Trao truyền pháp tam quy xong, Đức Phật từ già đi tiếp đến vườn Lộc dã, với oai nghi đĩnh đạc thanh thoát giống như Nga vương. Trên đường, Phật gặp một người ngoại đạo tên là Ưu-bà-già. Vị ngoại đạo ấy thấy tướng tốt trang nghiêm, các căn tĩnh lặng của Phật cho là điều kỳ diệu nên nói kệ khen ngợi:

*Chúng sinh ở thế gian*

*Đều bị ba độc trói*

*Các căn lại phóng dật*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Bị ngoại cảnh cuốn lôi  
Nhưng nay thấy Nhân giả  
Các căn thật vắng lặng  
Ắt đạt đạo giải thoát  
Chắc thế không còn nghi  
Thầy Nhân giả là ai?  
Tên họ gọi là gì?*

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

*Ta nay đã vượt thoát  
Khỏi cảnh giới chúng sinh  
Pháp vi diệu sâu xa  
Ta nay đã biết hết  
Ba độc và năm dục  
Đoạn hẳn không còn nữa  
Như hoa sen trong bùn  
Không nhiễm nước bùn hôi  
Tự chứng Bát chánh đạo  
Không thầy không bạn bè  
Dùng trí tuệ thanh tịnh  
Hàng phục được Ma vương  
Nay đạt đạo Chánh giác  
Xứng là Thầy trời người  
Thân miệng ý toàn tịnh  
Nên hiệu là Mâu-ni  
Muốn đến Ba-la-nại  
Để chuyển chánh pháp luân  
Điều mà trời, người, ma  
Không sao giảng nói được.*

Ưu-bà-già nghe bài kệ xong, lòng sinh vui mừng khen là chưa từng có, chấp tay cung kính nhiễu quanh Thế Tôn, từ biệt ra đi. Đi một đoạn, Ưu-bà-già còn quay lại nhìn, không thấy Thế Tôn nữa mới đi hẳn.

Đức Thế Tôn đi tiếp đến bờ sông A-xà-ba-la thì trời đã chiều tối nên phải dừng chân nghỉ rồi ngồi nhập định suốt bảy ngày trong mưa gió. Tại dòng sông ấy, có vị Long vương tên Mục-chân-lân-đà thấy Phật nhập định liền dùng thân quán quanh Phật bảy vòng suốt trong bảy ngày. Sau bảy ngày vị ấy liền biến thành hình người cúi đầu lễ dưới chân Phật thưa:

–Thế Tôn ngồi ở đây suốt trong bảy ngày không ngại trời mưa gió sao?

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chư Thiên và người đời  
Vui thích trong ngũ dục  
So với vui thiền định  
Không thể nào sánh bằng.*

Long vương nghe lời kệ của Phật vui mừng hơn hở cúi đầu lễ xuống chân Phật rồi trở về Long cung. Đức Thế Tôn lại tiếp tục đi đến thành Ba-la-nại, chỗ của năm vị Kiều-

trần-như, Ma-ha-na-ma, Bạt-ba, A-xá-bà-xà, Bạt-đà-la-xà cư trú. Năm người ấy thấy Phật từ xa đang đi đến liền bàn với nhau:

–Sa-môn Cù-đàm bỏ lối tu khổ hạnh, thoái thân trở lại thọ hưởng thú vui ăn uống không còn tâm đạo nữa. Nay ông ta đến đây chúng ta không cần đứng lên tiếp đón, cũng không làm lễ kính, thăm hỏi. Nếu ông ấy muốn cần một chỗ ngồi thì cứ tự ý chọn chỗ để ngồi.

Nói xong, họ đều yên lặng nhưng khi Phật đến gần thì năm người tự động đứng dậy lạy chào, vội vàng cung kính tiếp đón, làm những việc như lúc trước, người tiếp đỡ y bát, người lấy nước rửa, người rửa chân cho Phật... Ai cũng làm ngược lại những lời đã giao ước, nhưng vẫn như trước, gọi Phật là Cù-đàm.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi anh em Kiều-trần-như:

–Các người cùng đồng ý với nhau là gặp Ta không đứng dậy, nay sao lại trái với lời hẹn ước, vội đứng dậy tiếp đón hầu hạ Ta?

Năm người nghe hỏi trong lòng hổ thẹn liền thưa:

–Cù-đàm đi đường có mệt mệt không?

Thế Tôn hỏi:

–Sao các người đối với Bạc Vô Thượng Tôn lại gọi tên họ như thế? Lòng Ta tuy không chấp trách sự hủy báng hay khen ngợi, không có tâm phân biệt nhưng các người kiêu căng sẽ chuốc lấy quả báo dữ. Ví như đối với lễ nghi ở thế gian, con còn không thể gọi cha mẹ bằng tên, huống chi Ta nay là cha mẹ của tất cả.

Cả năm vị nghe những lời dạy ấy lại càng hổ thẹn, thưa với Phật:

–Chúng con ngu si không trí tuệ, không biết nay Ngài đã thành Chánh giác. Vì sao? Vì trước kia thấy Như Lai tu khổ hạnh sáu năm, ngày ăn một hạt gạo, một hạt mè mà nay trở lại hưởng thú vui ăn uống; do đó chúng con tưởng Phật chưa đạt đạo.

Phật bèn nói với năm người:

–Các ông chớ dùng trí nhỏ để đo lường đạo Ta thành hay chưa thành đạo. Vì sao? Vì khi thân xác khổ thì tâm loạn, thân vui sướng thì lòng sẽ say đắm. Do đó khổ và vui, cả hai đều không phải là nguyên nhân thành đạo, chẳng khác gì dùi cây lấy lửa, lại đặt khúc cây trong nước mà dùi thì chắc chắn không có lửa để soi sáng. Tìm lửa trí tuệ cũng vậy, có nước của khổ vui thì ánh sáng của lửa trí tuệ không sinh, vì lửa trí tuệ không sinh nên không thể diệt trừ được màn đen tối của sinh tử. Nay nếu bỏ được khổ và vui, tu tập theo Trung đạo thì tâm sẽ an định, có thể lĩnh hội tu tập theo tám Thánh đạo chân chánh, xa rời mối lo sinh, già, bệnh, chết. Chính Ta đã tu tập theo Trung đạo nên đạt quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Năm người ấy nghe Như Lai dạy như thế lòng rất vui mừng, vô cùng phấn chấn, nhìn ngắm dung nhan của Phật không rời. Khi ấy Đức Thế Tôn xét thấy căn tánh của năm vị nhóm ông Kiều-trần-như có thể nhận hiểu được đạo pháp nên dạy:

–Này Kiều-trần-như, các ông nên biết, thân năm ấm này là khổ, sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, yêu thương mà xa nhau là khổ, căm ghét mà gặp nhau là khổ, mong mỏi không được cũng khổ, mất đi niềm vui sướng khi vinh hiển là khổ. Này Kiều-trần-như, chúng sinh hữu hình hay vô hình, không chân, có một chân, hai chân, ba chân, bốn chân hay nhiều chân... không loài nào là không có những nỗi khổ ấy. Ví như lấy tro phủ lên lửa; nếu gặp cỏ khô, lửa sẽ bốc cháy. Như vậy những nỗi khổ là do gốc chấp Ngã mà sinh ra. Nếu có chúng sinh nào khởi lên niệm tưởng chấp ngã, dù nhỏ nhiệm đến đâu cũng phải chịu những nỗi khổ ấy. Tham dục, giận dữ, ngu si đều do căn bản chấp Ngã

sinh ra. Lại nữa, ba độc này là nguyên nhân của khổ, ví như hạt giống có năng lực sinh ra mầm mống, chúng sinh chính vì chúng nên phải luân hồi trong ba cõi. Nếu diệt được chấp Ngã và tham, sân, si thì những nỗi khổ sẽ theo đó đoạn dứt. Tất cả khổ đau phiền não đều do Bát chánh đạo đó mà diệt trừ, giống như một người lấy nước rưới tắt lửa lớn. Toàn thể chúng sinh không biết cội rễ của khổ đau, nên đều bị luân hồi trong sinh tử. Nay Kiều-trần-như, Khổ cần nên biết, Tập phải đoạn trừ, Diệt cần nên chứng, Đạo cần nên tu. Nay Kiều-trần-như, Ta đã biết Khổ, đã dứt Tập, đã chứng Diệt, đã tu Đạo nên đã chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó nay các ông cần phải biết Khổ, dứt Tập, chứng Diệt và tu Đạo. Nếu ai không tỏ ngộ Tứ thánh đế ấy thì nên biết người ấy chưa được giải thoát. Bốn chân lý ấy là chân thật: Khổ chính thực là Khổ, Tập chính thực là Tập, Diệt chính thực là Diệt, Đạo chính thực là Đạo. Nay Kiều-trần-như, các ông đã thông suốt chưa?

Kiều-trần-như thưa:

–Bạch Thế Tôn, chúng con đã hiểu, chúng con đã biết.

Vì hiểu rõ pháp Tứ đế nên từ ấy ông có hiệu là A-nhã Kiều-trần-như. Khi Phật ba lần giảng pháp Tứ đế và Mười hai hành, Kiều-trần-như thông đạt pháp ấy, tâm xa lìa trần cấu và đắc pháp nhãn thanh tịnh. Cùng lúc ấy, tám vạn na-do-tha chư Thiên ở trên không trung cũng xa lìa trần cấu đắc pháp nhãn tịnh. Vị Địa thần thấy Đức Như Lai ở nơi khu đất của mình chuyển pháp luân, lòng rất vui mừng, lớn tiếng xưng:

–Như Lai đã ở nơi đây chuyển pháp luân vi diệu.

Tất cả trời thần trong hư không nghe được lời ấy sinh tâm phấn chấn, truyền nhau hô lớn vang thấu đến cõi trời Sắc cứu cánh. Chư Thiên tại nơi ấy nghe được liền hân hoan vô cùng, cao giọng xưng:

–Hôm nay, trong vườn Lộc dã, trú xứ của các Tiên nhân thuộc thành Ba-la-nại, Đức Như Lai đã chuyển Đại pháp luân, điều mà tất cả thế gian, Trời, Người, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn không thể giảng nói được.

Lúc đó toàn mặt đất hiện ra mười tám tướng chuyển động, tám bộ chúng trời, rồng... ở trên hư không tấu các loại nhạc, trống trời tự kêu, đốt các danh hương, rải các loài hoa quý, cờ quý, lọng báu cùng ca ngâm khen ngợi, khắp các cõi trong thế giới tự nhiên sáng rỡ. A-nhã Kiều-trần-như do tỏ ngộ chánh pháp đầu tiên nên là vị đệ tử thứ nhất của Phật. Bốn vị kia thấy Phật chuyển pháp luân xong mà chỉ có A-nhã Kiều-trần-như đắc đạo nên trong lòng nghĩ: “Nếu Thế Tôn vì chúng ta nói pháp lại lần nữa, chúng ta cũng sẽ đắc đạo”. Nghĩ như thế rồi cùng nhau chiêm ngưỡng Đức Phật không rời. Đức Phật biết tâm niệm của bốn người ấy nên giảng nói lại pháp Tứ đế. Sau khi nghe xong, họ cũng xa lìa trần cấu, đắc được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, sau khi đã thấy chân lý, năm vị liền đảnh lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, năm người chúng con đã thấy được chân lý, đã chứng được dấu đạo, nay chúng con muốn xuất gia theo Phật, xin Đức Thế Tôn thương xót nhận.

Đức Thế Tôn liền gọi năm người:

–Hay lắm các Tỳ-kheo!

Râu tóc họ liền tự rụng, khoác ca-sa trên thân, năm người đều trở thành Sa-môn. Lúc ấy Thế Tôn hỏi năm vị Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các ông cho rằng có biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường, là khổ hay không khổ, là không hay chẳng phải không, là ngã hay vô ngã.

Năm vị Tỳ-kheo vừa nghe lời hỏi về năm ấm ấy xong, các lậu hoặc đều sạch không,

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tâm thông suốt, chứng được quả A-la-hán, liền thưa:

–Bạch Thế Tôn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Kể từ đó, tại thế gian có sáu vị A-la-hán. Đức Phật chính là Phật bảo, Tứ đế chính là Pháp bảo, năm vị La-hán ấy chính là Tăng bảo. Như thế, ba ngôi báu đã đầy đủ, hiện diện ở thế gian, là ruộng phước tốt nhất cho cả trời người.

